

Bản tin Phân tích kỹ thuật

20/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 đóng cửa trên đường MA20, duy trì tín hiệu tăng giá. Dự báo hợp đồng sẽ kiểm định lại vùng giá cao phiên 20/04 quanh 2.002 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua trên 4111G5000 quanh 1.995 điểm với mục tiêu là 2.002 điểm và dừng lỗ khi vi phạm ngưỡng 1.992 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.995 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.002 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.992 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

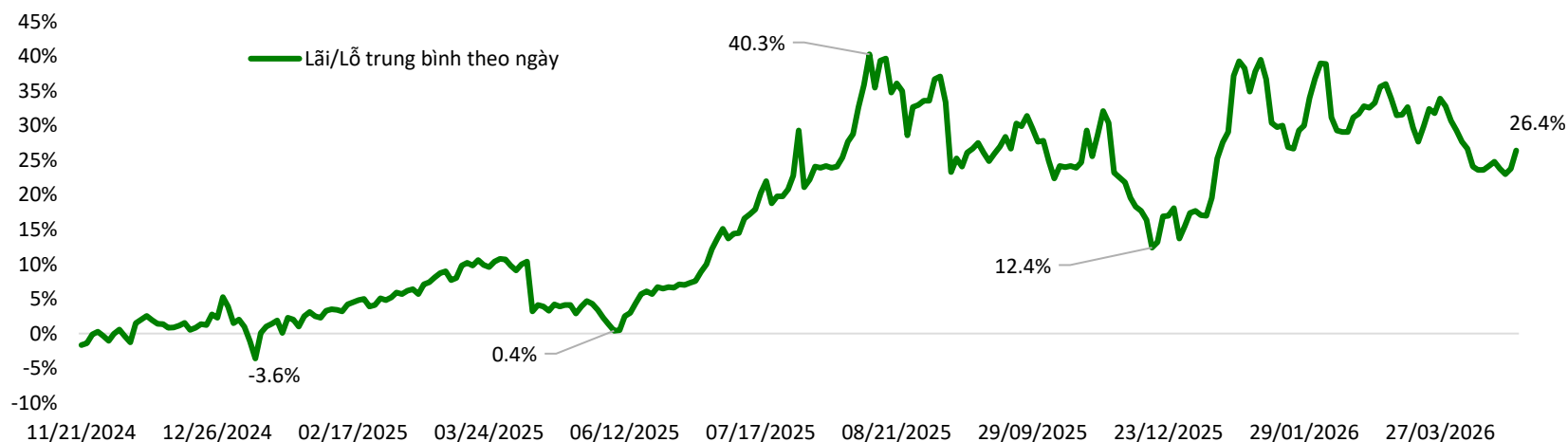


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, lực mua cải thiện trên phần lớn các nhóm ngành nhưng mức độ lan tỏa còn hẹp, mang tính cục bộ. Ở chiều ngược lại, nhóm Dầu khí tiếp tục chịu áp lực cung. Đáng chú ý, tại các nhóm có tính dẫn dắt cao như Ngân hàng, Bán lẻ, Vật liệu và Tiêu dùng, không ghi nhận lực bán đột biến khi VN-Index tiếp cận vùng giá cao.
- Nhóm Vingroup vẫn đóng vai trò dẫn dắt chính cho đà tăng của VN-Index. Tuy nhiên, phần còn lại của thị trường vẫn giữ trạng thái ổn định hơn khi áp lực cung được tiết chế ở mức thấp, trong khi lực mua cục bộ vẫn nhỉnh hơn lực bán.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index tiếp tục duy trì tín hiệu tăng khi vận động trên MA20 và MA50, qua đó giữ khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Mục tiêu gần nằm tại 1.880 điểm, với hỗ trợ ngắn hạn ở vùng 1.810–1.815 điểm.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, nhóm Ngân hàng, Tiêu dùng, Bán lẻ và Vật liệu vẫn đủ điều kiện giữ nền cho xu hướng tăng của VN-Index, đồng thời giúp cân bằng tác động từ các nhịp điều chỉnh ngắn hạn (nếu có) ở nhóm Vingroup.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	83,000	78,000	6.4%	75,100	88,000		
MBB	15/04/2026		Đang mở	26,350	26,600	-0.9%	26,000	28,600		
VPB	20/04/2026		Đang mở	28,050	28,050	0.0%	27,250	30,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	145,100	6.93%	18.06%	595,985	8.564	10,200	2.5	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	191,000	1.65%	19.38%	1,471,852	5.037	1,468	10.0	130.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	60,100	1.01%	1.52%	502,176	1.050	4,210	2.2	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	192,000	6.96%	-2.69%	70,272	1.015	8,918	8.8	21.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VPL	85,300	3.02%	6.36%	152,969	0.958	615	4.2	138.8	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HDB	26,900	2.67%	3.86%	134,642	0.746	3,501	1.8	7.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HPG	28,450	1.61%	2.34%	218,367	0.728	2,013	1.7	14.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	26,150	-2.06%	-4.39%	130,941	-0.560	1,041	2.2	25.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCB	32,600	1.09%	2.19%	231,011	0.520	3,577	1.4	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	79,200	-1.12%	-1.86%	191,106	-0.445	4,730	2.9	16.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	33,000	-1.49%	1.23%	132,000	-0.409	1,330	2.3	24.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTG	35,100	0.72%	0.86%	272,620	0.406	4,455	1.5	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GEX	40,950	5.00%	-1.44%	36,953	0.383	1,638	2.1	25.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	40,550	0.62%	0.50%	295,207	0.380	4,259	1.8	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BCM	57,300	2.87%	3.43%	59,306	0.353	3,383	2.6	16.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	95,100	-5.84%	16.69%	85,570	-2.642	17,930	5.0	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	48,300	-1.63%	0.21%	18,330	-0.158	5,090	2.8	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCG	69,700	3.87%	7.73%	5,925	0.121	3,801	3.6	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	38,300	-1.03%	-2.54%	19,587	-0.107	3,616	1.3	10.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,000	0.92%	-4.35%	21,171	0.103	0	1.6	186,807.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NTP	61,000	1.84%	7.02%	10,433	0.101	5,805	2.5	10.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIF	15,500	-3.13%	-5.49%	5,425	-0.090	933	1.1	16.6	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DTK	11,600	1.75%	1.75%	7,920	0.073	959	0.9	12.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	161,500	-0.31%	3.39%	32,300	-0.053	9,851	6.3	16.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PMC	130,300	-6.59%	-6.66%	1,216	-0.042	8,819	5.1	14.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

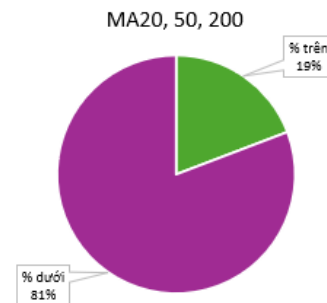
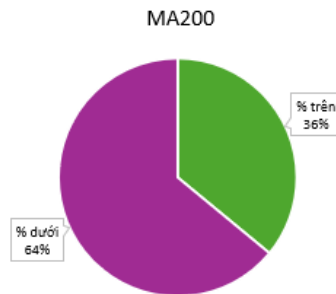
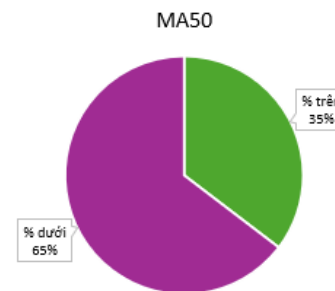
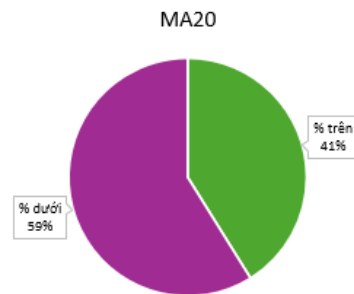
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	92,900	-0.96%	-0.96%	282,983	-4.384	3,056	6.9	30.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
F88	160,000	6.67%	22.51%	16,971	1.827	6,543	6.9	23.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSH	80,000	2.56%	0.00%	28,875	1.195	-1,065	5.2	-72.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCV	159,000	13.57%	-0.31%	4,961	1.087	3,750	6.4	42.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MSR	46,300	-1.28%	-1.49%	51,057	-1.055	10	4.2	4,519.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	15,000	2.74%	2.74%	20,789	0.920	2,592	1.2	5.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
FOX	83,800	-0.83%	4.49%	61,832	-0.827	4,627	5.7	18.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MVN	53,900	-0.74%	3.85%	65,068	-0.774	1,622	4.6	33.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	172,900	2.92%	6.07%	15,727	0.741	11,764	7.9	14.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CC1	39,000	2.63%	5.41%	15,160	0.644	588	3.4	64.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	191,000	1.6%	1004.7	607.4	29,300	189,300	10.0	130.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	188,000	4.2%	19.0	7.0	82,483	180,800	4.1	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMS	15,500	5.4%	6.4	2.5	9,009	15,300	1.4	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,200	5.0%	14.9	2.6	1,400	8,100	-1.8	-1.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VTD	6,100	0.0%	11.1	0.7	5,900	10,500	0.5	60.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
TOS	188,000	4.2%	19.0	7.0	82,483	180,800	4.1	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,600	3.1%	41.4	12.0	5,400	7,200	6.9	-7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			20/04/2026	17/04/2026	16/04/2026	15/04/2026	14/04/2026	13/04/2026	10/04/2026	09/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	34%	33%	32%	32%	33%	35%	33%	32%
		Dưới	66%	67%	68%	68%	67%	65%	67%	68%
	MA50	Trên	43%	39%	38%	40%	39%	38%	38%	36%
		Dưới	57%	61%	62%	60%	61%	62%	62%	64%
	MA20	Trên	58%	58%	56%	61%	61%	59%	60%	57%
		Dưới	42%	42%	44%	39%	39%	41%	40%	43%
VN30	MA200	Trên	50%	43%	40%	47%	43%	47%	47%	43%
		Dưới	50%	57%	60%	53%	57%	53%	53%	57%
	MA50	Trên	57%	50%	43%	50%	40%	40%	43%	43%
		Dưới	43%	50%	57%	50%	60%	60%	57%	57%
	MA20	Trên	87%	90%	83%	83%	90%	87%	87%	87%
		Dưới	13%	10%	17%	17%	10%	13%	13%	13%
HNX	MA200	Trên	38%	37%	37%	37%	38%	38%	39%	38%
		Dưới	62%	63%	63%	63%	62%	62%	61%	62%
	MA50	Trên	40%	38%	38%	37%	41%	41%	39%	38%
		Dưới	60%	62%	62%	63%	59%	59%	61%	62%
	MA20	Trên	38%	37%	37%	37%	38%	38%	39%	38%
		Dưới	62%	63%	63%	63%	62%	62%	61%	62%
UPCOM	MA200	Trên	32%	33%	33%	34%	34%	35%	34%	33%
		Dưới	68%	67%	67%	66%	66%	65%	66%	67%
	MA50	Trên	31%	32%	32%	33%	33%	33%	33%	32%
		Dưới	69%	68%	68%	67%	67%	67%	67%	68%
	MA20	Trên	36%	36%	37%	37%	38%	38%	38%	37%
		Dưới	64%	64%	63%	63%	62%	62%	62%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4														Tháng 3					
		20 ↓	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24
1	Bất động sản	66	67	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28
2	Tài nguyên Cơ bản	64	58	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45
3	Bán lẻ	63	59	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40
4	Xây dựng và Vật liệu	61	59	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37
5	Du lịch và Giải trí	57	57	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18
6	Thực phẩm và đồ uống...	56	53	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30
7	Ngân hàng	55	53	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26
8	Ô tô và phụ tùng	53	50	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34
9	Dịch vụ tài chính	51	51	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27
10	Hàng cá nhân & Gia ...	51	49	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39
11	Điện, nước & xăng d...	48	49	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61
12	Hàng & Dịch vụ Côn...	45	45	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36
13	Hóa chất	45	40	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37
14	Dầu khí	37	38	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50
15	Bảo hiểm	32	33	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41
16	Công nghệ Thông tin	24	20	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	191,000	1.6%	19.4%	1,471,852	10.0	130.1	1,468	1,004.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	145,100	6.9%	18.1%	595,985	2.5	14.2	10,200	961.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	28,450	1.6%	2.3%	218,367	1.7	14.1	2,013	747.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	26,900	2.7%	3.9%	134,642	1.8	7.7	3,501	512.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MWG	87,300	0.5%	7.4%	128,193	3.9	18.3	4,775	889.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	79,800	0.4%	3.6%	115,384	3.3	29.5	2,710	415.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	83,800	-0.8%	4.5%	61,832	5.7	18.1	4,627	12.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PNJ	115,000	3.6%	4.5%	39,232	3.0	13.8	8,350	211.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KBC	35,000	-0.1%	2.9%	32,961	1.3	14.3	2,450	149.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HCM	27,950	3.5%	7.9%	30,185	2.1	19.2	1,454	699.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,000	2.7%	2.7%	20,789	1.2	5.7	2,592	24.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPI	60,800	-1.1%	6.7%	19,459	3.7	49.8	1,221	348.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	160,000	6.7%	22.5%	16,971	6.9	23.6	6,543	33.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	61,300	-1.0%	-0.3%	14,842	2.9	11.2	5,464	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	62,700	2.3%	3.6%	14,073	1.5	9.9	6,319	94.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	36,450	0.7%	4.1%	11,082	2.7	82.9	440	92.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	23,950	0.4%	0.2%	10,257	1.9	36.9	650	9.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
CTD	83,000	5.3%	5.1%	9,282	1.0	11.8	7,033	127.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TOS	188,000	4.2%	4.6%	8,410	4.1	8.2	22,710	19.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,600	3.1%	4.8%	7,176	6.9	-7.3	-890	41.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DCL	36,400	-1.4%	-11.0%	2,659	1.8	136.2	267	20.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	48,100	0.2%	-1.2%	13,940	2.0	26.7	1,803	14.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAC	23,350	-0.6%	-5.8%	1,628	1.6	13.8	1,688	12.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,200	-0.7%	-2.6%	1,399	0.9	9.5	2,337	18.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RYG	10,600	-1.9%	0.0%	477	0.7	12.8	830	6.3	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	45,800	-0.2%	-1.1%	163,454	2.3	15.1	3,019	22.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPX	28,650	-0.3%	-1.0%	53,719	1.6	12.7	2,263	45.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PLX	39,450	-1.3%	-3.1%	50,125	1.9	18.7	2,106	70.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	53,100	-2.6%	-2.2%	20,166	1.3	6.7	7,965	182.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SBT	20,600	-0.2%	-0.1%	18,672	1.7	25.0	825	9.2	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VTP	70,800	-0.3%	-1.3%	12,244	6.9	21.6	3,272	18.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	54,100	-0.6%	-1.1%	10,054	2.2	7.6	7,144	22.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	8,500	-1.2%	-1.2%	1,947	0.7	12.3	688	5.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TAL	44,150	0.0%	-1.6%	15,894	2.9	22.3	1,977	5.3	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,550	0.0%	-2.6%	13,850	1.1	15.8	1,805	47.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VSC	23,450	0.0%	-6.6%	8,779	1.6	25.6	915	80.7	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GEG	15,150	-1.0%	-2.6%	5,428	1.2	9.0	1,678	9.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PPC	10,150	0.0%	-1.5%	3,254	0.7	19.7	515	5.8	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,850	0.0%	-1.5%	47,938	1.2	8.7	1,938	36.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	17,400	-0.6%	-3.6%	42,635	0.0	5.4	3,241	735.5	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	14,250	0.71%	4.01%	25,500	78.9%	357	1.1	39.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	53,100	-2.57%	-2.21%	91,200	71.8%	7,965	1.3	6.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	26,000	-0.19%	-0.76%	43,700	68.1%	936	1.6	27.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	28,550	0.00%	-2.56%	45,800	60.4%	1,805	1.1	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	38,300	-1.03%	-2.54%	58,100	51.7%	3,616	1.3	10.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	76,900	1.18%	1.18%	116,600	51.6%	5,515	3.6	13.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,550	-0.64%	-0.96%	23,100	48.6%	1,708	0.8	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,000	-0.34%	-0.17%	42,400	46.2%	1,916	1.6	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	21,550	-0.92%	-4.01%	30,800	42.9%	2,208	1.2	9.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SSI	28,950	1.40%	1.94%	40,800	40.9%	1,952	2.3	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	46,250	0.54%	-2.01%	64,100	38.6%	3,130	2.4	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	23,400	0.43%	-2.09%	31,900	36.3%	334	1.5	70.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	28,050	-0.71%	4.28%	38,000	35.5%	3,314	1.3	8.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACG	34,000	-0.15%	0.00%	45,800	34.7%	3,342	1.2	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACB	23,950	0.84%	0.84%	32,000	33.6%	3,042	1.3	7.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	43,950	0.80%	1.74%	58,700	33.6%	4,506	1.6	9.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MBB	26,350	-0.38%	-0.38%	35,000	32.8%	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GEX	40,950	5.00%	-1.44%	54,000	31.9%	1,638	2.1	25.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	18,700	0.81%	-1.84%	24,600	31.6%	3,199	1.3	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SAB	45,500	0.00%	0.11%	59,000	29.7%	3,449	2.8	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn